

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23- 02 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiên Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: anh Phan Văn Nh, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Phú X, thị trấn Chợ V, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: chị Ngô Thị Thu Nh1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp Phú B, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Anh Nh yêu cầu vắng mặt, chị Nh1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2008, anh Nh và chị Nh1 kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú An (Giấy chứng nhận kết hôn số 145, quyển số 01, ngày 04/10/2008). Nguyên nhân mâu thuẫn: anh Nh xác định sự việc xảy ra vào năm 2016, vợ chồng thường xuyên cự cãi sau mỗi lần đi lao

động về mặt mỗi còn bị Nh1 ghen tuông, nhiều lần giải thích, thuyết phục mà không được, vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc không còn và đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phan Quế Tr, sinh ngày 23/6/2009, do Nh1 đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nay anh Nh yêu cầu ly hôn với chị Nh1. Về con chung, đồng ý cho Nh1 tiếp tục nuôi con chung, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được anh Ngô Hồng Ph (anh ruột của Nh1) và anh Phan Văn Tr (anh ruột của Nh) cho biết: Sau khi thành vợ chồng thì Nh, Nh1 đi làm ăn ở Bình Dương, thường về quê vào mỗi dịp tết. Những khi vợ chồng Nh1 cãi nhau thì Nh1 có tâm sự với anh Ph về việc Nh có mối quan hệ với người phụ nữ khác, do thương chồng nên hay ghen, chính vì nguyên nhân đó nên đã ly thân khoảng 02 năm nay. Anh Tr cũng được Nh kể với anh về việc vợ chồng hay cự cãi nhau lý do Nh1 hay ghen, không tin tưởng Nh, đã ly thân khoảng 04 năm nay. Cả anh Ph và anh Tr đều xác định vợ chồng Nh – Nh1 có 01 đứa con chung tên Phan Quế Tr, sinh ngày 23/6/2009, do Nh1 đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Anh Nh, chị Nh1 có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình vợ

chồng không phù hợp, chị Nh1 ghen tuông vô cớ và ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, nên anh Nh yêu cầu xin ly hôn với chị Nh1, cho thấy hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn Nh được ly hôn chị Ngô Thị Thu Nh1. Về con chung: từ khi ly thân đến nay cháu Phan Quế Tr sinh ngày 23/6/2009 đang sống với chị Nh1, được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu, cần giao cháu Tr cho chị Nh1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Chia tài sản và nợ chung không có, không xem xét; về án phí, anh Nh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa anh Nh và chị Nh1 được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh Nh và chị Nh1 không làm được điều đó, trong quá trình tiến

hành tố tụng Tòa án đã triệu tập chị Nh1 để tham gia hòa giải 02 lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị Nh1 đều không đến, thời gian ly thân của anh chị kéo dài, không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống, đồng thời tại bản tự khai anh Nh thể hiện cương quyết yêu cầu ly hôn với chị Nh1, nên có căn cứ xác định anh Nh và chị Nh1 không còn quan tâm đối với mối quan hệ hôn nhân này, nếu tiếp tục duy trì thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc, nên cần chấp nhận cho anh Nh được ly hôn với chị Nh1 là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Quá trình chung sống, anh Nh và chị Nh1 có 01 con chung tên Phan Quế Tr sinh ngày 23/6/2009, do chị Nh1 đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Anh Nh đồng ý cho chị Nh1 tiếp tục nuôi cháu Tr, không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Cháu Tr hiện đang sống chung chị Nh1, được chị và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định. Chị Nh1 vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của cháu Tr. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Tr cho chị Nh1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phan Văn Nh không phải cấp dưỡng cho con. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Anh Nh xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ghi nhận anh Nh xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nh phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Chị Nh1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn Nh.

1. Về hôn nhân: anh Phan Văn Nh được ly hôn với chị Ngô Thị Thu Nh1.
2. Về con chung: Giao cháu Phan Quế Tr sinh ngày 23/6/2009 cho chị Ngô Thị Thu Nh1 tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên và tự lập được, anh Phan Văn Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nh1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu anh Nh lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nh1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nh.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không.

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh Nh xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Phan Văn Nh phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004073 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị Ngô Thị Thu Nh1 không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã Phú An;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Nhung